

Bản án số: 538/2024/HSPT
Ngày: 18/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tôn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Hòa Bình**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 519/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Phan Thị A** về tội “*Tham ô tài sản*”, “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2024/HSST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2022/2024/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Phan Thị A, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1987, tại tỉnh Quảng Trị; nơi thường trú: **KV1 N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Thủ quỹ kiêm Văn thư, Thủ kho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, đã bị buộc thôi việc theo Quyết định số: 73/QĐ-CTHADS ngày 19/01/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông **Phan Khắc C** và bà **Lê Thị P**; có chồng và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/12/2023, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị A:** Luật sư **Lý Tuấn T**, Văn phòng **L4**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **C L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ kèm theo.

- **Bị hại:** Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: **1 P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Đình Đ**, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một bị cáo và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị A là Thủ quỹ, kiêm Văn thư, Thủ kho của Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) **thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, được phân công nhiệm vụ thu, chi và quản lý quỹ tiền mặt nghiệp vụ thi hành án của **Chi cục THADS thành phố Đ**.

Vào khoảng tháng 11 năm 2022, **Nguyễn Thị Thúy K** là Kế toán nghiệp vụ của **Chi cục THADS thành phố Đ** kiểm tra Liên 2 "*Giấy nộp tiền*" ngày 28/10/2022 do **Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh Q** phát hành, phát hiện **Phan Thị A** đã nộp tiền vào Ngân hàng không đúng theo các Phiếu chi của **Chi cục THADS thành phố Đ** đã lập. Tiến hành kiểm tra, đối chiếu với **Kho bạc nhà nước tỉnh Q** phát hiện **Phan Thị A** nhiều lần không nộp hoặc nộp không đủ tiền vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý (*số tài khoản 3949.0.1047875.00000*) tại Kho bạc. Ngày 08/11/2022, **Nguyễn Thị Thúy K** và ông **Ngô Tú N**, Chi cục trưởng **Chi cục THADS thành phố Đ** tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của **Phan Thị A** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) **Công an tỉnh Q**. Ngày 06/02/2023, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh Q** đã chuyển vụ việc cho Cơ quan điều tra VKSND tối cao để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định, **Phan Thị A** đã nhiều lần lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tiền trong quỹ tiền mặt nghiệp vụ thi hành án, theo phương thức: Khi có nhu cầu thì **Phan Thị A** lấy tiền trong quỹ tiền mặt thi hành án của cơ quan do mình quản lý để sử dụng cá nhân. Khi **Chi cục THADS thành phố Đ** lập Phiếu chi yêu cầu **Phan Thị A** xuất quỹ tiền mặt để nộp vào tài

khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Q thì Phan Thị A không còn đủ tiền để nộp hoặc nộp không đủ số tiền theo từng Phiếu chi. Để việc chiếm đoạt tiền của mình không bị phát hiện, theo Phan Thị A khai: đã mang 02 chứng từ có in dấu thật của Kho bạc nhà nước tỉnh Q đến Công ty TNHH MTV T3, địa chỉ: 1 L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thuê làm giả 02 con dấu của Kho bạc nhà nước tỉnh Q với giá 400.000 đồng (01 con dấu hình chữ nhật có chữ: “KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẢNG TRỊ/ ĐÃ THU TIỀN”; 01 con dấu hình tròn có chữ: “KHO BẠC NHÀ NƯỚC * KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẢNG TRỊ * KẾ TOÁN”) nhằm sử dụng làm giả các chứng từ kế toán của Kho bạc để hợp thức các chứng từ nộp lưu cho Kế toán Chi cục THADS thành phố Đ và Kho bạc nhà nước tỉnh Q. Sau đó, mỗi lần Chi cục THADS thành phố Đ yêu cầu xuất tiền quỹ nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc mà không còn tiền nộp thì Phan Thị A đã làm giả các chứng từ “Giấy nộp tiền vào tài khoản”, “Lệnh thanh toán đến”, “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN”; tẩy xóa, sửa chữa ghi không đúng số tiền thực nộp trên Liên 2 “Giấy nộp tiền” của Ngân hàng TMCP C1- Chi nhánh Q, bằng cách thức như sau:

- **Làm giả “Giấy nộp tiền vào tài khoản” của Kho bạc nhà nước tỉnh Q:** Phan Thị A soạn thảo lại nội dung “Giấy nộp tiền vào tài khoản” theo mẫu của Kho bạc; ở mục “Số tiền”, Phan Thị A ghi giả số tiền đã nộp bằng số tiền đã ghi trên Phiếu chi do Chi cục THADS thành phố Đ lập; giả chữ ký của “Thủ quỹ” và “Kế toán” Kho bạc và sử dụng con dấu giả hình chữ nhật có chữ “KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẢNG TRỊ/ ĐÃ THU TIỀN” đóng lên mục “Số tiền”. Sau đó, Phan Thị A mang chứng từ giả này nộp cho Kế toán Chi cục THADS thành phố Đ để thể hiện Phan Thị A đã nộp đủ số tiền theo các Phiếu chi vào Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị. Với cách thức thực hiện như trên, từ năm 2019 đến năm 2021, Phan Thị A đã làm giả 17 “Giấy nộp tiền vào tài khoản” của Kho bạc nhà nước tỉnh Q.

- **Làm giả L 2 “Giấy nộp tiền” của Ngân hàng và “Lệnh thanh toán đến” của Kho bạc nhà nước tỉnh Q:** Từ năm 2021, Kho bạc nhà nước tỉnh Q không trực tiếp thu tiền mặt, chuyển sang thực hiện chương trình thanh toán song phương điện tử (khách hàng nộp tiền tại Ngân hàng, Ngân hàng T4 số liệu đến Kho bạc, Kho bạc phát hành Lệnh thanh toán đến cho khách hàng), Phan Thị A phải nộp tiền vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý tại Kho bạc thông qua Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Q và được Ngân hàng cấp Liên 2 “Giấy nộp tiền” (bản giấy than) thì Phan Thị A đã tẩy xóa, sửa chữa phần ghi số tiền thực nộp (phần ghi bằng số và bằng chữ) trên “Giấy nộp tiền”, sau đó dùng giấy than ghi giả số tiền đã nộp bằng số tiền đã ghi trên Phiếu chi của Chi cục THADS thành phố Đ lập. Sau đó, Phan Thị A mang Liên 2 “Giấy nộp tiền” đã được sửa chữa nộp lại cho Kế toán Chi

cục THADS thành phố Đ để thể hiện Phan Thị A đã nộp đủ số tiền ghi trên Phiếu chi vào Ngân hàng. Với cách thức thực hiện như trên, từ năm 2021 đến khi bị phát hiện, Phan Thị A đã làm giả 07 “Giấy nộp tiền” của Ngân hàng.

Khi nhận được “Lệnh thanh toán đến” của Kho bạc nhà nước tỉnh Q, do chứng từ này thể hiện số tiền nộp vào Kho bạc không đúng theo Phiếu chi nên để che giấu, Phan Thị A đã làm giả bằng cách đánh máy lại chứng từ này theo mẫu của Kho bạc; ở mục “Số tiền”, ghi giả số tiền đã nộp bằng số tiền ghi trên Phiếu chi rồi giả chữ ký của “Thanh toán viên”, “Kiểm soát” của Kho bạc và sử dụng con dấu giả hình tròn có chữ: “KHO BẠC NHÀ NƯỚC * KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẢNG TRỊ * KẾ TOÁN” đóng lên chữ ký giả ở mục “Kiểm soát”. Phan Thị A mang chứng từ giả này nộp cho Kế toán Chi cục THADS thành phố Đ để thể hiện Kho bạc đã nhận được L1 chuyển tiền từ Ngân hàng đúng với số tiền ghi trên Phiếu chi. Với cách thức thực hiện như trên, Phan Thị A đã làm giả 04 “Lệnh thanh toán đến” của Kho bạc nhà nước tỉnh Q.

- **Làm giả phần xác nhận của Kho bạc trên các “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN”:** Định kỳ vào đầu tháng, Phan Thị A được Kế toán nghiệp vụ Chi cục THADS thành phố Đ giao mang “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN” nộp cho Kho bạc nhà nước tỉnh Q để đối chiếu. Lợi dụng việc này, để che giấu việc không nộp đủ tiền vào Kho bạc, Phan Thị A không nộp chứng từ này cho Kho bạc, mà tự ghi giả phần số tiền ở mục “Số liệu tại KBNN” phù hợp với số tiền ở mục “Số liệu tại đơn vị” do Chi cục THADS thành phố Đ lập. Sau đó, Phan Thị A giả chữ ký của “Kiểm soát”/“Kế toán”, “Phó Trưởng phòng kiểm soát chi”/ “Kế toán trưởng” của Kho bạc và sử dụng con dấu giả hình tròn có chữ: “KHO BẠC NHÀ NƯỚC * KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẢNG TRỊ * KẾ TOÁN” đóng lên chữ ký giả ở mục “Xác nhận của kho bạc”. Phan Thị A mang “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN” này nộp cho Kế toán Chi cục THADS thành phố Đ để thể hiện Kho bạc đã xác nhận đối chiếu số dư, không có chênh lệch về số liệu giữa Chi cục THADS thành phố Đ và Kho bạc. Với cách thức thực hiện như trên, từ tháng 02/2019 đến khi bị phát hiện, Phan Thị A đã làm giả 43 “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN” để nộp cho Kế toán Chi cục THADS thành phố Đ.

- **Làm giả chứng từ che giấu Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị:** Để che giấu hành vi của mình với Kho bạc nhà nước tỉnh Q trong việc đã nộp vào số tiền ít hơn số tiền ghi trên các Phiếu chi, định kỳ vào đầu tháng, khi được Kế toán nghiệp vụ Chi cục THADS thành phố Đ giao mang “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN” nộp cho Kho bạc để đối chiếu, thì Phan Thị A không nộp chứng từ này mà làm giả “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN” khác để nộp cho Kho bạc, bằng cách: đánh máy lại “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền

gửi tại KBNN” theo mẫu, ở mục “*Số liệu tại đơn vị*”, **Phan Thị A** đã giả số dư đầu kỳ và số tiền phát sinh tăng bằng số tiền thực tế đã nộp và tồn tại Kho bạc; ở mục “*Đơn vị sử dụng ngân sách*”, giả chữ ký của “*Kế toán trưởng*”, “*Chủ tài khoản*” của **Chi cục THADS thành phố Đ** và sử dụng con dấu của **Chi cục THADS thành phố Đ** do mình quản lý đóng lên chữ ký giả. Sau đó, **Phan Thị A** mang nộp cho **Kho bạc nhà nước tỉnh Q**. Do không biết chứng từ đã bị **Phan Thị A** làm giả nên cán bộ Kho bạc đã xác nhận không có chênh lệch và hoàn trả lại, **Phan Thị A** không nộp chứng từ này cho Kế toán nghiệp vụ **Chi cục THADS thành phố Đ**. Với cách thức thực hiện như trên, **Phan Thị A** đã làm giả 42 “*Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN*” để nộp cho **Kho bạc Nhà nước tỉnh Q**.

Với cách thức và thủ đoạn như trên, từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2022, **Phan Thị A** đã 26 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt với tổng số tiền 2.584.398.561 đồng trong quỹ tiền mặt nghiệp vụ thi hành án, cụ thể:

Năm 2019, **Chi cục THADS thành phố Đ** phát hành các Phiếu chi số PC 2019/156 ngày 21/02/2019, PC 2019/158a ngày 28/02/2019, PC 2019/176 ngày 11/3/2019, PC 2019/205 ngày 29/3/2019, PC 2019/210 ngày 08/4/2019, PC 2019/225 ngày 12/4/2019, PC 2019/238 ngày 24/4/2019, PC 2019/354 ngày 28/6/2019, PC 2019/370 ngày 18/7/2019, PC 2019/398 ngày 09/8/2019, PC 2019/487 ngày 27/9/2019, PC 2020/01 ngày 08/10/2019, với tổng số tiền phải nộp vào tài khoản tạm giữ là 1.307.524.827 đồng, **Phan Thị A** chỉ nộp 342.890.327 đồng, chiếm đoạt 964.634.500 đồng, trong đó 09 lần không nộp tiền, 03 lần nộp không đủ tiền theo Phiếu chi (*có phụ lục kèm theo*).

Ngày 29/3/2019, **Phan Thị A** tự nộp vào tài khoản tạm giữ số tiền 210.000.000 đồng; ngày 31/7/2019 tự nộp vào tài khoản tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng để bù lại số tiền đã chiếm đoạt trước đó (*có phụ lục kèm theo, bút lục 1091, 1096, 1237- 1295*).

Năm 2020, **Chi cục THADS thành phố Đ** phát hành các Phiếu chi số PC 2020/162 ngày 21/02/2020, PC 2020/239 ngày 28/4/2020, PC 2020/272 ngày 22/5/2020, PC 2020/329 ngày 20/7/2020, PC 2020/343 ngày 24/7/2020, với tổng số tiền phải nộp vào tài khoản tạm giữ tại **Kho bạc nhà nước tỉnh Q** là 823.264.061 đồng. Năm 2021, phát hành Phiếu chi số PC 2021/184 ngày 23/4/2021, với số tiền phải nộp vào tài khoản tạm giữ tại **Kho bạc Nhà nước tỉnh Q** là 110.200.000 đồng, **Phan Thị A** đã không nộp và chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để sử dụng cá nhân (*có phụ lục kèm theo*).

Năm 2022, **Chi cục THADS thành phố Đ** phát hành các Phiếu chi số PC 2022/96 ngày 26/02/2022, PC 2022/128 ngày 08/4/2022, PC 2022/134 ngày 20/4/2022, PC 2022/149 ngày 13/5/2022, PC 2022/284 ngày 29/7/2022, PC

2022/330 ngày 23/8/2022, PC 2022/412 ngày 26/9/2022, PC 2022/023 ngày 31/10/2022, với tổng số tiền phải nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q là 1.368.308.000 đồng, Phan Thị A nộp 682.008.000 đồng, chiếm đoạt 686.300.000 đồng, trong đó 01 lần không nộp, 07 lần nộp không đủ theo các Phiếu chi (có phụ lục kèm theo).

Ngày 09/11/2022, hành vi phạm tội của Phan Thị A bị phát hiện, Phan Thị A đã tự nộp vào tài khoản tạm giữ số tiền 250.000.000 đồng; ngày 11/11/2022 tự nộp số tiền 120.000.000 đồng để khắc phục số tiền đã chiếm đoạt.

Toàn bộ các tài liệu làm giả, Phan Thị A đã giao cho các bà Trần Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Thúy K là Kế toán nghiệp vụ Chi cục THADS thành phố Đ để hạch toán và lưu, các chứng từ bản thật “Giấy nộp tiền vào tài khoản”, “Lệnh thanh toán đến”, “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN” do Kho bạc và Ngân hàng phát hành ghi số tiền thực tế đã nộp thì Phan Thị A cất giữ và tiêu hủy khi vụ việc bị phát hiện.

Nguyễn Thị Thúy K được phân công làm Kế toán nghiệp vụ Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 10 năm 2022, K đã lập 22 Phiếu chi (năm 2019: 08 Phiếu chi; 2020: 05 Phiếu chi; 2021: 01 Phiếu chi; 2022: 08 Phiếu chi) giao cho Phan Thị A xuất tiền mặt trong quỹ nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc với tổng số tiền 3.038.402.061 đồng nhưng Phan Thị A chỉ nộp tổng số tiền 752.008.000 đồng, đã chiếm đoạt tổng số tiền 2.286.394.061 đồng. Phan Thị A đã làm giả 13 “Giấy nộp tiền vào tài khoản” của Kho bạc nhà nước tỉnh Q và sửa chữa phần ghi số tiền trên 07 Liên 2 “Giấy nộp tiền” của Ngân hàng TMCP C1- Chi nhánh Q để che giấu đối với K. Trên các chứng từ giả này, không đóng dấu của Kế toán Kho bạc nhà nước tỉnh Q và bị tẩy xóa, sửa chữa phần ghi số tiền. Khi nhận được các chứng từ do Phan Thị A nộp, K với trách nhiệm Kế toán phải kiểm tra, đối chiếu nội dung, chữ ký, con dấu đóng trên các tài liệu này để theo dõi, giám sát việc thủ quỹ nộp tiền nhưng K không thực hiện nên không phát hiện được các chứng từ này bị Phan Thị A làm giả.

Hằng tháng, với trách nhiệm là Kế toán nghiệp vụ thi hành án của Chi cục THADS thành phố Đ, Nguyễn Thị Thúy K phải trực tiếp mang các “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN” nộp và đối chiếu với Kho bạc nhà nước tỉnh Q nhưng K đã không thực hiện mà tự ý giao cho Phan Thị A thực hiện. Do hành vi thiếu trách nhiệm, làm trái nhiệm vụ, công vụ được giao của K đã tạo cơ hội để Phan Thị A lợi dụng việc này nhiều lần thực hiện việc chiếm đoạt tiền và làm giả 81 “Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN” (40 bản giả chữ ký của Kế toán trưởng, Chủ tài khoản Chi cục THADS thành phố Đ; 41 bản giả chữ ký của

cán bộ Kho bạc nhà nước tỉnh Q) để chiếm đoạt tiền trong quỹ tiền mặt thi hành án của Chi cục THADS thành phố Đ.

Hành vi thiếu trách nhiệm nêu trên của Nguyễn Thị Thúy K đã không thực hiện đúng nhiệm vụ của kế toán, là nguyên nhân trực tiếp, tạo điều kiện để Phan Thị A 22 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền trong quỹ mà không bị phát hiện. Các hành vi trên của Nguyễn Thị Thúy K vi phạm quy định tại Điều 4 Luật Kế toán; Điều 2, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ T5; Điều 7 Thông tư số 78/2020/TT-BTC ngày 14/8/2020 của Bộ T5; Quyết định số 971/QĐ-CCTHADS ngày 27/12/2018 và Quyết định số 388/QĐ-CCTHADS ngày 08/6/2021 của Chi cục THADS thành phố Đ về phân công nhiệm vụ của cán bộ, công chức Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Kế toán phải thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc quản lý các khoản thu, chi thi hành án; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán trong thi hành án dân sự. Do thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng nhiệm vụ của kế toán nghiệp vụ nêu trên nên Nguyễn Thị Thúy K phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả quỹ nghiệp vụ thi hành án bị thiệt hại số tiền 2.286.394.061 đồng do bị Phan Thị A chiếm đoạt.

Đối với bà Trần Thị Ngọc B, Kế toán nghiệp vụ Chi cục THADS thành phố Đ, trong thời điểm từ tháng 02/2019 đến ngày 31/3/2019, đã để Phan Thị A 04 lần chiếm đoạt tổng số tiền 298.004.500 đồng. Kết quả điều tra xác định, bà B còn chủ quan, thiếu trách nhiệm khi không trực tiếp đến Kho bạc nhà nước tỉnh Q để nộp và nhận các “Bản xác nhận số dư tài khoản tạm gửi tại KBNN” mà giao cho Phan Thị A là Thủ quỹ thực hiện là không đúng quy định. Khi Phan Thị A mang chứng từ đã có xác nhận của Kho bạc về nộp lưu, đã không kiểm tra các thông tin trên các chứng từ này nên bị Phan Thị A lợi dụng sơ hở, nhiều lần chiếm đoạt tiền trong quỹ tiền mặt, sau đó làm các chứng từ giả để hợp thức nhằm che giấu hành vi phạm tội. Xét thấy, bà B đã thiếu trách nhiệm để Phan Thị A chiếm đoạt số tiền 298.004.500 đồng nhưng ngay trong tháng 3/2019 Phan Thị A đã nộp lại Kho bạc số tiền 210.000.000 đồng, còn lại 88.004.000 đồng. Do đó, hành vi thiếu trách nhiệm của bà Trần Thị Ngọc B chưa phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Cục THADS tỉnh Q đã xử lý kỷ luật đối với bà Trần Thị Ngọc B.

- Các cán bộ Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị

Đối với ông Mai Anh T1, Chi cục trưởng phụ trách từ tháng 02/2019 đến ngày 12/4/2019; bà Trần Thị L2, Phó Chi cục trưởng phụ trách từ ngày 15/4/2019 đến 30/6/2019; ông Ngô Tú N từ tháng 07/2019 đến nay, với chức vụ là Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Đ và Chủ tài khoản đã ký các Phiếu chi và “Bản xác nhận số dư tài khoản tạm gửi tại KBNN” theo quy định. Tuy nhiên, với

trách nhiệm là người đứng đầu cơ quan, các ông, bà nêu trên đã thiếu kiểm tra, giám sát công tác kế toán nghiệp vụ thi hành án, để xảy ra việc **Phan Thị A** nhiều lần chiếm đoạt tiền trong quỹ nghiệp vụ để sử dụng cá nhân. Xét thấy, phương thức, thủ đoạn phạm tội của **Phan Thị A** thực hiện tinh vi, việc làm giả chứng từ khó bị phát hiện; đồng thời do kế toán cơ quan là **Nguyễn Thị Thúy K** đã thiếu trách nhiệm trong kiểm tra, giám sát việc thủ quỹ nộp tiền. Khi phát hiện vụ việc, ông **Ngô Tú N** đã chủ động tố cáo đến Cơ quan có thẩm quyền để điều tra giải quyết.

- Đối với cán bộ Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị

Các cán bộ Kiểm soát chi: **Phạm Thị Hồng T2**, từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 3 năm 2019; **Trần Cảnh Phước A1**, từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 10 năm 2022, định kỳ hằng tháng có trách nhiệm kiểm tra đối chiếu số liệu trên “*Bản xác nhận số dư tài khoản tạm gửi tại KBNN*” do **Chi cục THADS thành phố Đ** lập với số liệu do Kho bạc quản lý để ký và trình Lãnh đạo Phòng kiểm soát chi ký xác nhận vào mục “*Xác nhận của Kho bạc Nhà nước*” và các Phó Trưởng phòng kiểm soát chi gồm: **Hoàng Thị L3**, từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 4 năm 2019; **Lê Thị Thúy V**, từ tháng 5 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020; **Trần Thị G**, từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 9 năm 2022 được phân công ký dưới mục “*Xác nhận của Kho bạc Nhà nước*”, do chủ quan, tin tưởng cán bộ Kiểm soát chi đã kiểm tra, đối chiếu nên đã ký vào các “*Bản xác nhận số dư tài khoản tạm gửi tại KBNN*” do **Phan Thị A** làm giả. Tuy nhiên, các “*Bản xác nhận số dư tài khoản tạm gửi tại KBNN*” mang nộp tại Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị, được **Phan Thị A** làm giả số liệu phù hợp với số tiền thực tế đã nộp, chữ ký giả của Chủ tài khoản và Kế toán trưởng **Chi cục THADS thành phố Đ** được thực hiện tinh vi nên quá trình kiểm tra đối chiếu, các cán bộ Kiểm soát của Kho bạc không phát hiện được, đã ký, đóng dấu để hoàn trả lại cho **Phan Thị A**. Kết quả điều tra xác định những cán bộ này không đồng phạm với **Phan Thị A**. Hành vi chiếm đoạt tiền của **Phan Thị A** đã xảy ra trước khi thực hiện các thủ tục nộp tiền, đối chiếu tại Kho bạc; vi phạm của các cán bộ Kho bạc không phải là nguyên nhân, điều kiện để **Phan Thị A** thực hiện tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự.

- Đối với Công ty TNHH MTV T3

Phan Thị A khai đã thuê Công ty TNHH MTV T3 ở thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị làm giả 02 con dấu của Kho bạc nhà nước tỉnh Q nhưng ngoài lời khai của **Phan Thị A**, không thu được tài liệu, chứng cứ khác nên không đủ chứng cứ xác định cá nhân, tổ chức đã giúp **Phan Thị A** làm giả con dấu.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 2.584.398.561 đồng do **Phan Thị A** nộp để khắc phục hậu quả.

Thu giữ của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đ:

- + Sổ quỹ tiền mặt năm 2019, 2020, 2021, 2022 của Kế toán và Thủ quỹ;
- + 04 Bảng tổng hợp Sổ tiền gửi ngân hàng, kho bạc năm 2019, 2020, 2021, 2022;
- + 04 Bảng tổng hợp phiếu thu năm 2019, 2020, 2021, 2022;
- + 04 Bảng tổng hợp phiếu chi năm 2019, 2020, 2021, 2022;
- + 384 Lệnh thanh toán đến tài khoản 3949.0.1047875.00000 năm 2019, 2020, 2021, 2022;
- + 54 Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Phiếu điều chỉnh năm 2021, 2022;
- + 47 Giấy nộp tiền năm 2019, 2020, 2021, 2022;
- + 04 tập Phiếu chi năm 2019, 2020, 2021, 2022;
- + 02 tập chứng từ Phiếu chi, Giấy nộp tiền, Lệnh thanh toán đến bổ sung lần 1 và lần 2.

Khi bị phát hiện, **Phan Thị A** đã tiêu hủy 02 con dấu giả và các tài liệu liên quan.

Tại bản Kết luận giám định số 410/KL-KTHS ngày 19/5/2023 và số 426/KL-KTHS 24/5/2023 của **Phòng K1 Công an thành phố Đ** kết luận: các mẫu tài liệu cần giám định không phải do Kế toán trưởng, Chi cục trưởng **Chi cục THADS thành phố Đ** và cán bộ **Kho bạc Nhà nước tỉnh Q** có liên quan ký; không phải do cùng một con dấu của **Kho bạc nhà nước tỉnh Q** đóng ra; Liên 2 "Giấy nộp tiền" của **Ngân hàng TMCP C1- Chi nhánh Q** bị tẩy xóa, sửa chữa ở các mục "số tờ", "thành tiền", "số tiền bằng số", "số tiền bằng chữ".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HSST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Phan Thị A** phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Thị A** 16 (mười sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Thị A** 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc **Phan Thị A** phải chấp hành 19 (*mười chín*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 28/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2024 bị cáo **Phan Thị A** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo **Phan Thị A** thì thấy:

[1.1] Về tội danh: Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: **Phan Thị A** là Thủ quỹ, kiêm Văn thư và Thủ kho của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, có nhiệm vụ thu, chi và quản lý quỹ tiền mặt thi hành án của đơn vị. Từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2022, **Phan Thị A** đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao nhiều lần chiếm đoạt quỹ tiền mặt nghiệp vụ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà với số tiền 2.584.398.561 đồng để tiêu xài cá nhân. Nhằm che dấu hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo **A** thuê làm giả 02 con dấu của **Kho bạc nhà nước tỉnh Q**, giả chữ ký của cán bộ Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị, giả chữ ký của Chi Cục trưởng và Kế toán nghiệp vụ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, để làm giả chứng từ hợp thức các chứng từ nộp lưu cho Kế toán nghiệp vụ Chi cục Thi hành án dân sự và Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị. Do đó, hành vi của **Phan Thị A** đã đủ các yếu tố cấu thành các tội “*Tham ô tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

[1.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Bị cáo tham ô tài sản với tổng số tiền trên 1.000.000.000 đồng, nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo làm giả các con dấu, tài liệu để thực hiện tham ô tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” với tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng con dấu, tài liệu thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341. Bị cáo **A** đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*” nên phải chịu tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; tự nguyện nộp đủ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; gia đình bố,

mẹ có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 1 (*mười sáu*) năm tù về tội “Tham ô tài sản” (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) và 03 (*ba*) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” (mức thấp nhất của khung hình phạt) là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Với những nội dung đã được nhận định, phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của bị cáo **Phan Thị A** là không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Phan Thị A** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phan Thị A**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2024/HSST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Tuyên bố: Bị cáo **Phan Thị A** phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Thị A** 16 (*mười sáu*) năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Thị A** 03 (*ba*) năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo **Phan Thị A** phải chấp hành 19 (*mười chín*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2023.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Phan Thị A** phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Tồn